TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2022.
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sinh**

Bà **Nông Thị Giáp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ma Văn Chung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Triệu Kim Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về:*"Tranh chấp Ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1994 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Q trình bày:

* Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Vũ Văn H kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 25/10/2021. Tuy hai vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chưa tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống không được hạnh phúc do anh H

thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2022 đến nay. Nay chị Nguyễn Thị Kim Q xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được nên xin được ly hôn với anh Vũ Văn H.

* Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản hòa giải bị đơn anh Vũ Văn H trình bày:

* Về hôn nhân: Anh Vũ Văn H kết hôn với chị Nguyễn Thị Kim Q trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 25/10/2021. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm và không hiểu nhau nên hai vợ chồng thường hay cãi vã. Tuy nhiên do anh Vũ Văn H vẫn còn tình cảm với chị Nguyễn Thị Kim Q nên không nhất trí ly hôn.

* Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh cùng ngày 12/7/2022 ông Đàm Ngọc T là Trưởng thôn P, ông Đàm Văn P là Trưởng ban mặt trận thôn P, bà Triệu Thị C là Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn P và bà Bế Thị H là thím của chị Q (ở gần nhà chị Q). Những người này cung cấp thông tin như sau:

Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Vũ Văn H mới kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn chị Q và anh H đều đi làm ăn xa, lâu lâu mới về thăm bố mẹ của chị Q là ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L được khoảng 03 đến 04 ngày rồi lại đi làm nên họ không nắm được hai vợ chồng chị Q, anh H có phát sinh mâu thuẫn hay không.

Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2022 bà Nguyễn Thị S cung cấp thông tin như sau: Nhà của bà ở gần nhà bố mẹ chị Nguyễn Thị Kim Q. Giữa bà với chị Q, anh H không có mâu thuẫn gì. Chị Q, anh H thường xuyên đi làm ít khi sinh sống cùng bố mẹ chị Q. Có 02 lần khi chị Q và anh H về sinh sống cùng bố mẹ chị Q thì bà có nghe thấy hai vợ chồng cãi nhau. Nội dung chị Q và anh H cãi nhau về vấn đề gì thì bà không để ý. Thời gian hai vợ chồng chị Q, anh H cãi nhau là vào khoảng tháng 03 hoặc tháng 04 năm 2022.

Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2022 bà Nguyễn Thị L cung cấp thông tin như sau: Bà là mẹ của chị Nguyễn Thị Kim Q. Chị Q và anh H tự nguyện kết hôn với nhau. Ngoài thời gian chị Q đi làm ở Bắc Ninh thì chị Q và anh H về sinh sống cùng với bà. Trong thời gian chị Q và anh H sinh sống ở nhà bà thì bà thấy hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân cãi nhau là do anh H

hay ghen tuông vô cớ. Hiện nay chị Q đi làm ở Bắc Ninh còn anh H đi làm ở Hà Nội và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2022 ông Vũ Văn Th và bà Đinh Thị Ng (là bố mẹ của anh H) trình bày: Chị Q và anh H mới đi đăng ký kết hôn, hai bên gia đình chưa tổ chức cưới theo phong tục truyền thống của người Việt Nam nên chị Q và anh H chưa chung sống với nhau. Chị Q thì sinh sống cùng bố mẹ chị Q ở xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, còn anh H thì sinh sống và làm việc ở Hà Nội. Chị Q mới về nhà của ông bà chơi từ 01 đến 02 lần, còn anh H thỉnh thoảng lên nhà chị Q chơi và thăm chị Q. Ông bà không nắm được hai vợ chồng có mâu thuẫn gì. Nay chị Q xin ly hôn với anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của BLTTDS.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Q được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Không có nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim Q có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn H. Bị đơn anh Vũ Văn H có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam nhưng chị Q và anh H đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc ly hôn của anh chị. Do vậy, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Mặc dù hai vợ chồng mới đăng ký kết hôn và hai bên gia đình chưa tổ chức cưới theo phong tục tập quán của người dân Việt Nam nhưng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Q là do anh H thường xuyên uống

rượu, ghen tuông vô cớ dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau và hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng thừa nhận quá trình chung sống do bất đồng quan điểm và không hiểu nhau nên hai vợ chồng thường hay cãi vã. Nhưng anh H vẫn còn tình cảm với chị Q nên không nhất trí ly hôn. HĐXX nhận thấy, chị Q và anh H mặc dù mới đăng ký kết hôn nhưng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Hai bên gia đình cũng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, sau khi đăng ký kết hôn các bên cũng chưa có nhiều thời gian chung sống vì mỗi người làm việc ở một nơi khác nhau. Từ tháng 5 năm 2022 đến nay các bên sống ly thân nhau, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Các bên cũng chưa có gì ràng buộc nhau vì chưa có con chung và không có tài sản chung. Anh H cho rằng mình vẫn còn tình cảm với chị Q, mong muốn được đoàn tụ nhưng khi được tòa án triệu tập đến phiên tòa, là dịp để anh H có điều kiện trình bày, thể hiện mong muốn hàn gắn rạn nứt tình cảm vợ chồng nhưng anh H đã không đến phiên tòa, điều này cho thấy anh H không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có cơ sở để kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Q và anh H chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị Q và anh H đều khẳng định hai vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đòng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Q và anh H đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Q được ly hôn với anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Q phải chịu 300.000^{đ}*(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001699, ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Thanh Bình